TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-PT
Ngày 05-7-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Huỳnh Tuấn Khải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: Số nhà 80/10/4, đường số 08, phường 11, quận G, TP. M. Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: Số nhà 23, đường T, phường P, quận T, TP. M. Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lê Thị Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Bà với Ông Nguyễn Hoàng K, sống chung và cưới nhau năm 2004, đến năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, Quận 3, TP. M theo giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 08/7/2005, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên nhà cha mẹ ông K gần 01 năm, khi gần sinh con bà về nhà cha mẹ bà sống, còn ông K vẫn còn ở nhà cha, mẹ ông K. Sau khi sinh con được 03 tháng thì vợ, chồng bất đồng quan điểm, ông K đã có đơn yêu cầu ly hôn với bà. Do bà mới sinh con, bà chưa có ý kiến gì mà giữ lại đơn ly hôn. Đến năm 2008, bà thấy cuộc sống vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà có làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân quận G, Thành phố M thì Tòa án có yêu cầu bà phải nộp đơn tại Tòa án nhân dân quận T, TP. M nơi ông K cư trú, do bận công việc bà chưa nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận T. Đến năm 2017, bà thấy cuộc sống chung vợ, chồng đã mâu thuẫn quá trầm trọng ảnh hưởng đến đời sống của bà nghiêm trọng. Thời gian sống chung ông K cũng không có trách nhiệm gì với gia đình. Mặt khác, ông K còn xúc phạm đến bà và mẹ bà nên bà cương quyết gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận T để giải quyết cho bà ly hôn với ông K và Tòa án nhân dân quận T đã thụ lý. Do bà và ông K đã chuyển về xã P, huyện C, tỉnh Long An cư trú từ năm 2014 nên Tòa án nhân dân quận T, TP. M chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý. Hiện nay tuy vợ, chồng còn sống chung nhà nhưng không còn hạnh phúc, mỗi người tự sinh hoạt riêng, không ai còn quan tâm đến ai, mà bỏ mặc lẫn nhau.

Do vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà vẫn giữ nguyên khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung có 01 người con là Nguyễn Hoàng Nh sinh ngày 30/9/2005, con từ khi sinh ra lớn lên đều ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tuy hiện nay bà đang đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ của 02 thửa đất, diện tích khoảng 5.000m^2; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An nhưng là tài sản riêng của bà, giữa bà với ông K không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Hoàng K trình bày: Về thời gian sống chung, kết hôn, ly thân, con chung, nợ chung đúng như lời trình bày của bà M. Còn nguyên nhân mâu thuẫn như bà M trình bày là không đúng, sau khi cưới nhau vợ chồng sống bên cha mẹ ông ở quận T, TP. M. Đến khi bà M mang thai, gần sinh con thì bà M về bên cha, mẹ bà M ở quận G, TP. M để sinh con. Sau khi sinh con bà M không về lại ở với ông và cha mẹ ông, mà bà M và con ở luôn nhà cha mẹ bà M nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Mà mâu thuẫn trầm trọng là từ năm 2009, do vợ, chồng bán nhà chung cư ở quận 12, TP. M về mua nhà ở quận G, TP. Hồ Chi Minh để bán lại, khi chưa bán được thì ông yêu cầu hai vợ chồng về sống căn nhà ở quận G nhưng bà M không đồng ý mà lại cho vợ, chồng người em bà M đến ở, lại không báo cho ông. Hiện nay giữa ông với bà M không còn tình cảm vợ chồng mà chỉ còn tình nghĩa sống chung với nhau để nuôi con. Do vậy, ông chưa muốn ly hôn

với bà M, để khi nào con đủ tuổi thành niên thì việc bà M muốn ly hôn ông sẽ đồng ý.

Do ông chưa đồng ý ly hôn nên không đồng ý giao con Nguyễn Hoàng Nh sinh ngày 30/9/2005 cho ai.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông với bà M có tạo dựng còn lại 02 thửa đất, diện tích khoảng 5.000m^2 tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, ông chưa yêu cầu chia.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Bà Lê Thị Hồng M được ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng K.

2. Về nuôi con chung: Giao người con Nguyễn Hoàng Nh sinh ngày 30/9/2005, cho Bà Lê Thị Hồng M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/4/2018, Ông Nguyễn Hoàng K kháng cáo không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì yêu cầu được nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không rút đơn khởi kiện, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Cháu Nguyễn Hoàng Nh trình bày không muốn cha mẹ ly hôn, nếu Tòa án xử cho ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông K kháng cáo không đồng ý ly hôn mong muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, bà M cương quyết yêu cầu ly hôn, ông K cũng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông K. Tại phiên tòa cháu Nguyễn Hoàng Nh có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông K kháng cáo không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng Nh. Xét kháng cáo của ông K thấy rằng:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K và bà M đều xác định là không còn tình cảm với nhau, bà M cương quyết yêu cầu ly hôn, ông K cũng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cấp sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu Nguyễn Hoàng Nh có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên thấy rằng cấp sơ thẩm xử giao cháu Nh cho bà M nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Từ những lý do trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông K, cần giữ y bản án sơ thẩm. Ông K phải chịu án phí phúc thẩm do không chấp nhận kháng cáo.

[5] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Hoàng K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Bà Lê Thị Hồng M được ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Nh, sinh ngày 30/9/2005 cho Bà Lê Thị Hồng M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, về nợ chung không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009900 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, TP. M; bà M nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng K phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006229 ngày 14/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An; ông K nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tấn Quốc